

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2023/DS-ST

Ngày: 14-8-2023

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự - góp hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Minh Tuấn

Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng dân sự - góp hui theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **260/2023/QĐXXST-DS**, ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T- Sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Kinh Giữa, xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Đặng Thị Mỹ Dung - Sinh năm: 1992

Địa chỉ: Tổ 01, khu phố 10, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Thùy M- Sinh năm: 1991 (Có đơn xin vắng mặt)

Anh Đặng Minh H- Sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Kinh Giữa, xã Hòa Hưng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/4/2022 và tại phiên tòa - chị Đặng Thị Mỹ Dung là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị Tlà chủ hội, có cho chị Huỳnh Thị Thùy Mtham gia chơi hội, bà My tham 3 dây hội và 3 phần. Nhưng sau khi lĩnh hội, chị Mkhông thực hiện nghĩa vụ góp hội. Cụ thể dây hội thứ I chị M còn nợ số tiền 55.000.000 đồng; dây hội thứ II là 60.000.000 đồng; dây hội thứ III là 18.000.000 đồng. Sau khi các dây hội trên kết thúc (hội mãn) thì chị M còn nợ bà T số tiền hội chưa góp là 133.000.000 đồng. Đối với tiền trên, bà T đã nhiều lần yêu cầu chị M thanh toán nhưng chị M tình không thực hiện nghĩa vụ. Nay bà T khởi kiện chị M trả số tiền nợ hội là 133.000.000 đồng.

Đồng thời tại phiên Tòa, chị Dung là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định, bà Trút một phần yêu cầu khởi kiện của mình đối với yêu cầu anh Huân phải chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hội trên cho bà. Chỉ yêu cầu chị M trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 04/8/2023 chị Huỳnh Thị Thùy My là bị đơn xác định: Chị thừa nhận khoản tiền hội còn nợ bà T là 133.000.000 đồng, chị M đồng ý trả nhưng xin được trả dần, 04 tháng trả 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Anh Huân là bị đơn, không nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà T khởi kiện yêu cầu chị M- anh Huân phải trả tiền hội còn thiếu nên đây là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và chị có đơn xin vắng mặt. Riêng đối với anh Huân mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý nhưng anh không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét và không đến Tòa án để giải quyết vụ án khi được triệu tập. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử, tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh chị theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và bản khai của bị đơn thì các bên thừa nhận có xác lập giao dịch dân sự góp hội. Trong đó bà T là chủ hội, còn chị M là hội viên. Do đó, có căn cứ xác định giao dịch trên là sự thật. Theo bà T trình bày sau khi chị M lĩnh hội của 3 dây hội trên nhưng chị không thực hiện nghĩa vụ góp hội cho bà nên bà yêu cầu chị M phải trả số tiền nợ hội mà chị M chưa góp là 133.000.000 đồng.

Hội xét xử thấy rằng, theo qui định tại điểm a, c Điều 16 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 Nghị định về hội, họ, biên phương, qui định nghĩa vụ của thành viên khi tham gia hội “*Góp phần họ (hội) theo thoả thuận*” và “*Tiếp tục góp các phần họ để các thành viên khác được lĩnh cho đến khi thành viên cuối cùng lĩnh họ (hội) trong trường hợp đã lĩnh họ (hội) trước thành viên khác*”. Do đó bà Tkhởi kiện buộc chị Mphải chịu trách nhiệm trả tiền hội trên còn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Nghị định 19/2019; Nghị định số 144/2006 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự quy định về “*Họ, hội, biên, phương*”.

Cụ thể bà Tkhởi kiện yêu cầu chị Mtrả số tiền nợ hội 133.000.000 đồng, quá trình làm việc với chị Mvà tại bản khai ngày 04/8/2023 chị Mđã thừa nhận còn nợ bà Tsố tiền trên. Tuy nhiên, chị đề nghị 04 tháng trả cho bà T5.000.000 đồng, nhưng bà Tkhông đồng ý. Xét thấy giữa các bên không thỏa thuận được với nhau về thời gian và phương thức trả tiền nên cách thức thanh toán sẽ do Chi cục thi hành án dân sự quyết định khi án có hiệu lực thi hành. Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ; Điều 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hội, biên phương. Hội đồng xét xử: Buộc chị Mphải có trách nhiệm trả cho bà Tsố tiền hội chưa góp còn nợ tổng cộng là 133.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Bà Tkhông yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tbuộc anh Đặng Minh Hlien đòi trả nợ với chị My. Tại phiên Tòa nguyên đơn xác định rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ buộc chị Mtrả số tiền trên cho bà. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Tvề việc buộc anh Đặng Minh Hlien đòi với chị Mtrả số tiền hội 133.000.000 đồng, là phù hợp với qui định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

- Yêu cầu khởi kiện của bà Tđược Tòa án chấp nhận nên bà không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Tsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.200.000 theo biên lai thu tiền số 0008328 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Chị Mphải chịu án phí giá ngạch 5% đối với yêu cầu của bà Tđược Tòa án chấp nhận, cụ thể là: 133.000.000 đồng x 5% = 6.650.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 11, Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biểu phườn;

Điều 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biểu phườn;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Tvề việc tranh chấp hợp đồng dân sự góp họ đối với chị Huỳnh Thị Thùy M.

Buộc chị Mphải có trách nhiệm trả cho bà Ttiền nợ họ tổng cộng là 133.000.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tvề việc buộc anh Đặng Minh Hliên đối với chị Mtrả số tiền họ 133.000.000 đồng (một trăm ba mươi ba triệu đồng).

3. Về án phí:

Hoàn trả lại cho bà Tsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.200.000 đồng (ba triệu hai trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0008328 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Mphải chịu án phí dân sự có giá ngạch 6.650.000 đồng (sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày; đương sự có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án là ngày 14/8/2023; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh KG;

-VKSND huyện GR;

-Các đương sự;

-UBND xã;

-Chi cục T.H.A huyện;

-Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Văn Hôm